

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 13/2022/DS-ST.
Ngày: 04-3-2022.
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Ông Phan Tùng Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuỳ Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1984; chị Đoàn Thị V, sinh năm 1986; cư trú tại: số M đường D, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Anh C có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Đoàn Thị V: anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1984; cư trú tại: số M đường D, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Như T, sinh năm 1957; bà Lê Thị M, sinh năm 1970; cư trú tại: thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà M có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Như T: bà Lê Thị M, sinh năm 1970; cư trú tại: thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1949; cư trú tại: số M đường D, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành C, chị Đoàn Thị V do anh C đại diện trình bày:

Ngày 16/8/2018, vợ chồng ông T, bà M đến nhà anh, chị vay số tiền 100.000.000 đồng để xoay xở việc gia đình trong thời gian ngắn, hứa khi nào anh, chị cần lấy lại tiền thì báo trước một tháng sẽ hoàn trả, có viết Giấy mượn tiền; hai bên thoả thuận miệng lãi là 4.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 01/2019, vợ chồng anh đã báo trước cho ông T, bà M sẽ lấy lại tiền nhưng đến nay ông T, bà M không trả. Từ khi vay, ông T, bà M chỉ trả tiền lãi 4.000.000 đồng. Nay, vợ chồng anh khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà M phải trả tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Nhà nước từ khi vay cho đến khi xét xử (lãi tạm tính từ ngày vay 16/8/2018 đến ngày 22/12/2021 là 40 tháng 06 ngày, lãi suất 1,6%/tháng với số tiền là 64.319.800 đồng, trừ tiền lãi bà M đã trả 4.000.000 đồng, tiền lãi còn lại bà M, ông T phải trả là 60.319.800 đồng), yêu cầu trả gốc và lãi một lần.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Như T, bà Lê Thị M do bà M đại diện trình bày: Vợ chồng bà có viết giấy mượn tiền của vợ chồng anh C mượn số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 16/8/2018 nhưng tiền thì nhận từ bà Huỳnh Thị Kim L. Nay vợ chồng anh C yêu cầu trả tiền thì căn cứ vào Giấy mượn tiền, vợ chồng bà đồng ý trả cho vợ chồng anh C số tiền gốc 100.000.000 đồng; còn đối với tiền lãi thì bà đã trả nhiều lần, nay bà xin nguyên đơn giảm tiền lãi đến mức thấp nhất vì hiện nay ông T đang bị bệnh, kinh tế gia đình khó khăn và xin trả dần hàng tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim L trình bày: Vợ chồng ông T, bà M vay tiền của vợ chồng anh C, chị V và có viết giấy mượn tiền, không phải vay tiền của bà như bà M trình bày, tiền cũng nhận từ chị V. Khi trả tiền lãi thì bà M trả cho hai khoản vay của bà và của vợ chồng anh C nên bà nhận thay và có đưa lại cho vợ chồng anh C 4.000.000 đồng, việc trả lãi không ghi sổ. Nay, anh C, chị V khởi kiện yêu cầu ông T, bà M trả nợ là đúng.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận vào ngày 29/01/2022, bà M có trả lãi 5.000.000 đồng, nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu trả tiền gốc 100.000.000 đồng, trả một lần và rút yêu cầu trả lãi. Bị đơn đồng ý trả tiền gốc cho nguyên đơn và vẫn đề nghị được trả dần. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Như T, bà Lê Thị M có viết Giấy mượn tiền của nguyên đơn anh Nguyễn Thành C, chị Đoàn Thị V vào ngày 16/8/2018

với số tiền vay là 100.000.000 đồng, hứa khi nào nguyên đơn cần lấy tiền lại thì báo trước bị đơn 01 tháng sẽ hoàn trả, hai bên thoả thuận miệng lãi 4.000.000 đồng/tháng nhưng đến nay bị đơn không trả tiền đúng theo thoả thuận nên nguyên đơn khởi kiện, Toà án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy mượn tiền và lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì vào ngày 16/8/2018, bị đơn có viết giấy vay của nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi hai bên đều thừa nhận thoả thuận miệng 4.000.000 đồng/tháng, chị V (vợ anh C) là người trực tiếp đưa tiền cho bị đơn. Tại phiên toà, bị đơn bà M cũng thừa nhận vợ chồng bà có viết giấy mượn tiền của nguyên đơn và đồng ý trả tiền gốc. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với khoản tiền lãi, tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu trả lãi nên không xem xét buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thành C, chị Đoàn Thị V.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Như T, bà Lê Thị M phải trả nợ vay cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành C, chị Đoàn Thị V số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2. Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Như T, bà Lê Thị M phải chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành C, chị Đoàn Thị V tiền tạm ứng án phí 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai số 0004615 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa